

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HNGĐ - PT

Ngày 16 – 7 - 2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Huỳnh Văn Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Mộng T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Việt T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm.

* Nguyên đơn Nguyễn Việt T trình bày:

Do quen biết nên anh và chị T kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Con chung: Có hai cháu tên Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 20/3/2007, Nguyễn Thắng C, sinh ngày 16/6/2016, hiện đang sống với anh, chị. Nay anh yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Trần Thị Mộng T trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, chị cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những cãi vã thường ngày, hiện tại anh chị vẫn đang sống chung tại nhà. Nay chị không đồng ý ly hôn với anh T do thương con còn quá nhỏ.

** Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:*

- Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Điều Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Việt T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

** Ngày 04 tháng 4 năm 2018, anh Nguyễn Việt T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Mộng T và cho anh được nuôi hai con Nguyễn Trần Minh T và Nguyễn Thắng C.*

- Ý kiến của các đương sự tại phiên Tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Việt T vẫn giữ yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với chị thu, về con chung anh yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thu đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, chị T đồng ý ly hôn và đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, anh T kháng cáo yêu cầu được ly hôn với chị T và yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh cho rằng giữa anh và chị T tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn trong việc quản lý tiền bạc, cách chăm sóc nuôi dưỡng con, chị T sống không được lòng gia đình anh. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T thống nhất đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T, chị đồng ý ly hôn và đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 20/3/2007 và Nguyễn Thắng C, sinh ngày 16/6/2016 cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T với chị T thống nhất không yêu cầu giải quyết nợ chung, tài sản chung.

[2] Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Việt T được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa anh Nguyễn Việt T và chị Trần Thị Mộng T.

Sửa bản án sơ thẩm số: 56/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Việt T với chị Trần Thị Mộng T.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Nguyễn Việt T được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 20/3/2007 và Nguyễn Thắng C, sinh ngày 16/6/2016.

Chị Trần Thị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Việt T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng số 07734 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, xem như đã thi hành xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Việt T không phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm.

Hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 08452 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - Chi cục THADS huyện C;
 - UBND xã A, huyện C, Tiền Giang
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- HNPT-2018-L

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn